TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16 /9/2021
V*/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Lý Đình Đạt.
2. Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *tỉnh B* ***tham gia phiên toà****:* Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 16/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021về tranh chấpHôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXX-ST ngày 10/8/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 92/2021/QĐ-ST ngày 27/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bạch Trần C, sinh năm: 1981
Nơi ĐKHKTT: Thôn Phú Độ, thị trấn V, huyện Lạng G, tỉnh B. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Hồ Thị Mỹ Nh, sinh năm: 1985
Nơi ĐKHKTT: Thôn Phú Độ, thị trấn V, huyện Lạng G, tỉnh B. (Hiện đang lao động tại nước ngoài, vắng mặt).

Địa chỉ cuối cùng của chị Hồ Thị Mỹ Nh tại Việt Nam là thôn Phú Độ, thị trấn V, huyện Lạng G, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 18/01/2021, nguyên đơn là anh Bạch Trần C trình bày:

Anh và chị Hồ Thị Mỹ Nh được tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2005 tại UBND xã Hương V, huyện Hương Tr, thành phố Th. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc và có 02 con chung. Tuy nhiên, do những năm gần đây anh thường xuyên phải đi làm việc xa nhà, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, từ ngày 13/9/2020 chị Nh đã bỏ đi lao động tại Đài Loan nhưng không có sự đồng ý của anh và của gia đình. Anh đã nhiều lần liên lạc yêu cầu chị Nh về nước để lo lắng cho gia đình nhưng chị Nh không thực hiện. Vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồ Thị Mỹ Nh .

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bạch Hồ Hải Đ, sinh ngày 19/12/2005 và cháu Bạch Hồ Thiên K, sinh ngày 20/9/2013. Hiện nay các cháu đang ở với anh, ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Hồ Thị Mỹ Nh phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

-Về tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh C còn trình bày: Hiện nay chị Nh vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị Nh ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh có hỏi nhưng chị Nh không cung cấp cho anh, chị Nh vẫn liên lạc về cho bố đẻ chị Nh là ông Hồ Khả Đ, trú tại: Thôn Lại Bằng, thị xã Hương V, huyện Hương Tr, thành phố Th, nhưng ông Đ cũng không cung cấp địa chỉ cho anh biết nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nh được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Hồ Thị Mỹ Nh.

Tại đơn trình bày cháu Bạch Hồ Hải Đ và cháu Bạch Hồ Thiên K trình bày: Các cháu là con của bố Bạch Trần C và mẹ Hồ Thị Mỹ Nh, hiện nay các cháu đang ở cùng với bố Bạch Trần C. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì các cháu xin được ở với bố cháu là Bạch Trần C.

Bị đơn chị Hồ Thị Mỹ Nh không có bản tự khai.

Ngày 12/7/2021 và ngày 16/7/2021 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Hồ Thị Mỹ Nh là ông Hồ Khả Đ; trú tại: Thôn Lại Bằng, thị xã Hương V, huyện Hương Tr, thành phố Th, tỉnh Thừa Thiên Huế để giao thông

báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Đ thông báo cho chị Nh biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Bạch Trần C và chị Hồ Thị Mỹ Nh; yêu cầu chị Nh viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông Đ cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Nh ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc ông Đ vẫn giữ nguyên quan điểm là chị Nh ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Nh ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị Nh, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Nh biết để chị Nh gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị Nh gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Bạch Trần C vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Hồ Thị Mỹ Nh vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh C; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị Nh là ông Hồ Khả Đ và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Bạch Trần C có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nh không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị Nh; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị Nh là đúng quy định của pháp luật.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; Điều 150 BLTTDS; khoản 1, 3 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bạch Trần C.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bạch Trần C được ly hôn với chị Hồ Thị Mỹ Nh.

Về con chung: Giao con chung là cháu Bạch Hồ Hải Đ, sinh ngày 19/12/2005 và cháu Bạch Hồ Thiên K, sinh ngày 20/9/2013 cho anh Bạch Trần C trực tiếp nuôi

dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do anh C không yêu cầu. Chị Hồ Thị Mỹ Nh có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Nh thực hiện quyền này.

Anh Bạch Trần C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: Anh Bạch Trần C là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Bạch Trần C.

Đối với bị đơn chị Hồ Thị Mỹ Nh vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Nh là ông Hồ Khả Đ để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Đ thông báo cho chị Nh biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Bạch Trần C và chị Hồ Thị Mỹ Nh; Yêu cầu chị Nh viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông Đ cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Nh ở nước ngoài. Ông Hồ Khả Đ trình bày: Chị Nh ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông Đ vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị Nh cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Nh biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Hồ Thị Mỹ Nh theo thủ tục chung.

[2].Về thẩm quyền: Anh Bạch Trần C là nguyên đơn có đơn xin ly chị Hồ Thị Mỹ Nh, chị Nh hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 2227/QLXNC-P5 ngày 28/01/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị Nh đã xuất cảnh ngày 13/9/2020 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, địa chỉ cuối cùng của chị Nh ở Việt Nam là: Thôn Phú Độ, thị trấn V, huyện Lạng G, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3]. Về quan hệ Hôn nhân**: Anh Bạch Trần C và chị Hồ Thị Mỹ Nh kết hôn ngày 16/9/2005 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương V, huyện Hương Tr, thành phố Th. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh C trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc và có 02 con chung. Tuy nhiên, do những năm gần đây anh thường xuyên phải đi làm việc xa nhà, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, từ ngày 13/9/2020 chị Nh đã bỏ đi lao động tại Đài Loan nhưng không có sự đồng ý của anh và của gia đình. Anh đã nhiều lần liên lạc yêu cầu chị Nh về nước để lo lắng cho gia đình nhưng chị Nh không thực hiện dẫn đến vợ chồng đã cắt đứt liên lạc và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồ Thị Mỹ Nh.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Bạch Trần C. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh C và chị Nh chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên do anh C thường xuyên phải đi làm xa nhà dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và chị Nh đã đi ra nước ngoài làm ăn nhưng không có sự đồng ý của anh C và gia đình nên vợ chồng từ đó đã không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm và không chung về kinh tế. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị Nh đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tuyển. Xử cho anh Bạch Trần C được ly hôn với chị Hồ Thị Mỹ Nh.

[**4]. Về nuôi con chung**: Anh Bạch Trần C và chị Hồ Thị Mỹ Nh có 02 con chung là cháu Bạch Hồ Hải Đ, sinh ngày 19/12/2005 và cháu Bạch Hồ Thiên K, sinh ngày 20/9/2013. Hiện nay các cháu đang ở với anh C. Ly hôn anh C đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh C: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị Nh đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Hồ Thị Mỹ Nh từ khi đi nước ngoài thì các cháu vẫn do anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tình thần, được đi học đầy đủ, cháu Đ và cháu K đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Bạch Trần C về nuôi con chung. Giao cho anh C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Bạch Hồ Hải Đ, sinh ngày 19/12/2005 và cháu Bạch Hồ Thiên K, sinh ngày

20/9/2013 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn chị Hồ Thị Mỹ Nh có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Nh thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp chị Hồ Thị Mỹ Nh về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5] .Về tài sản, công nợ: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Bạch Trần C phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 3 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bạch Trần C được ly hôn với chị Hồ Thị Mỹ Nh.

2. Về con chung: Giao cho anh Bạch Trần C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu là Bạch Hồ Hải Đ, sinh ngày 19/12/2005 và cháu Bạch Hồ Thiên K, sinh ngày 20/9/2013 đến khi các con chung đủ 18 tuổi

hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Hồ Thị Mỹ Nh có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Nh thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Hồ Thị Mỹ Nh về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3.Về án phí: Anh Bạch Trần C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000073 ngày 07/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Bạch Trần C đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Bạch Trần C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Hồ Thị Mỹ Nh hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
-UBND xã Hương V, huyện Hương Tr, thành phố Th;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Thị Bích Lý Đình Đạt

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà